

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 tháng 01 năm 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Đèo Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST - DS, ngày 03 tháng 12 năm 2021, và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST - HNGĐ ngày 17/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng T N, sinh năm 19xx. (có mặt)

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Khoàng V T sinh năm 19xx. (vắng mặt)

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vàng T N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng T N và anh Khoàng V T yêu thương nhau và chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, và đăng ký kết hôn ngày 02/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị và anh T sống với nhau được khoảng 02 năm đầu là hạnh phúc, sau

đó dần phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T thường xuyên uống rượu và đánh đập chị, anh T còn mắc tệ nạn xã hội đó là nghiện chất ma túy, vì vậy hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và chị có khuyên bảo anh cai nghiện nhưng không được. Gần đây nhất khoảng tháng 8/2021 anh T đánh đập chị gây thương tích cho chị, nên đã bị công an xã nhắc nhở và đưa đi lao động công ích lại xã B. Nhưng sau đó anh T vẫn chứng nào tật ấy thường xuyên về đánh đập chị, vào khoảng tháng 9/2021 anh T đánh chị thâm tím cả người và đập phá đồ đạc, bỏ mẹ chị và người thân trong gia đình ai cũng biết. Qua xác minh hiện anh T vẫn có mặt tại địa phương, qua lời khai của người thân trong gia đình anh T đi làm thuê tại địa bàn cửa khẩu Ma Lù Thàng, bản Pa Nậm Cúm, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ, thường xuyên về nhà để gây sự với chị N và đập phá đồ đạc trong nhà. Chị N vì lo sợ đến tính mạng nên đã chuyển về mẹ đẻ *sinh sống từ đó* cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khoàng V T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung, cháu tên là Khoàng A, sinh ngày ../2012; cháu thứ hai là Khoàng B, sinh ngày ../2019. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị và ở cùng với ông bà ngoại, cháu A đã trên 7 tuổi có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và chị N cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Bị đơn:*

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Khoàng V T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh Khoàng V T. Qua lời khai của ông Vàng V M, bà Lò T N bố, mẹ đẻ của chị N cho biết ông, bà có nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt qua gia đình để thông báo cho anh T biết việc chị N gửi đơn đến Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn, và ông, bà cũng thông báo cho anh T biết được, nhưng anh T không quan tâm việc chị N gửi đơn xin ly hôn và cũng không có ý kiến gì. Ông, bà cũng cho biết nguyên nhân chị N xin ly hôn là do anh T nghiện chất ma túy đánh đập chị N dẫn đến thương tích, chị N cảm thấy không được hạnh phúc với anh T nữa, nên chị N cũng nói với ông, bà là muốn được ly hôn với anh T. Quan điểm của ông, bà chị N sống với anh T không có được hạnh phúc thì chị N có quyền ly hôn với anh T, về con chung thì ông, bà có nguyện vọng nuôi các cháu nhưng chị N có nguyện vọng nuôi các con thì ông, bà cũng tôn trọng nguyện vọng của chị để chị nuôi các con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B và tại các biên bản xác minh: Anh Khoàng V T sinh năm 19xx có tạm trú tại Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Năm 2012 chị N và anh T có đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật. Xác minh về việc bạo lực gia đình vào ngày 15/11/2021 Ủy ban nhân dân (UBND) xã có xác nhận anh T có đánh đập chị N và anh T cũng đã được chính quyền địa phương giáo dục bằng biện pháp lao động công ích. Hiện anh T vẫn có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, đương sự chị Vàng T N vẫn giữ nguyên yêu cầu.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 các Điều 147; 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vàng T N xử cho ly hôn. Về con chung: Giao cháu Khoảng A và cháu Khoảng B cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N phải tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, chị N được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Vàng T N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xác định bị đơn anh Khoảng V T có nơi cư trú tại Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu và đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Về xét xử vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Khoảng V T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua người thân và đã niêm yết đúng theo quy định của Pháp luật. Quá trình xét xử bị đơn anh T đã được triệu tập

hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Khoảng V T là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Vàng T N và anh Khoảng V T tìm hiểu, và anh chị tự nguyện yêu thương nhau không bị ép buộc . Đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, quá trình chung sống chị N và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu và đánh đập chị. Vào khoảng tháng 8/2021 anh T đánh chị gây thương tích và đã được chính quyền địa phương giáo dục. Chị N thấy cuộc sống hôn nhân của chị không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được. Chị xét thấy không thể chung sống với anh T được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khoảng V T. Về phía anh T mặc dù đã được gia đình người thân giao Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng anh T không chấp hành, điều đó thể hiện anh T cố tình vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo quy định của pháp luật. Xét thấy tình cảm giữa chị N và anh T đã là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu tên là Khoảng A, sinh ngày ../2012; cháu thứ hai là Khoảng B, sinh ngày ../2019. Xét thấy cháu A có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, vì vậy cần tôn trọng nguyện vọng của cháu, đối với cháu B còn nhỏ, anh T đi làm xa thường xuyên vắng nhà nên không đảm bảo để nuôi các cháu. Chị N nghề nghiệp, thu nhập ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng các con, mặt khác có sự hỗ trợ từ bố mẹ đẻ trong việc chăm sóc các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai cháu A và B cho chị N nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị N là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147; Điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Vàng T N được ly hôn với anh Khoảng V T.

2. Về con chung: Giao cháu Khoảng A, sinh ngày ../2012 và cháu Khoảng B, sinh ngày ../2019 cho chị Vàng T N nuôi dưỡng chăm sóc cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Tầm có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị N là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản và công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Nghĩa vụ chịu án phí: Chị Vàng T N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000071, ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá

- Lưu: HS.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương

